

CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN
TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG
NÔNG LÂM THỦY SẢN VÙNG 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 360 /TTCL4-CL
V/v cấp chứng thư đối với lô hàng
thủy sản xuất khẩu vào EU.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2021

Kính gửi: Các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu vào EU

Thực hiện hướng dẫn tại các công văn số 453/QLCL-CL1 ngày 14/4/2021 V/v mẫu chứng thư cho các lô hàng thủy sản xuất khẩu vào EU, số 496/QLCL-CL1 ngày 22/4/2021 V/v điều chỉnh qui định về mẫu chứng thư cho lô hàng xuất khẩu vào EU của Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản;

Nhằm tránh các vướng mắc trong quá trình xuất khẩu thủy sản vào thị trường EU khi áp dụng các mẫu chứng thư mới theo Quy định (EU) số 2020/2235 ngày 16/12/2020 của Ủy ban Châu Âu, Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng 4 thông báo và đề nghị doanh nghiệp thực hiện một số nội dung như sau:

1. Thời điểm áp dụng:

1.1. Từ **ngày 05/7/2021** (ngày ký chứng thư).

1.2. Mẫu chứng thư tương ứng với các dạng sản phẩm được quy định theo mẫu tại Quy định (EU) số 2020/2235 (xem Phụ lục 1 - Các mẫu chứng thư theo Quy định (EU) số 2020/2235 đính kèm)

- Chứng thư các lô hàng sẽ được thẩm định, chứng nhận theo mẫu trên hệ thống TRACESNT, đảm bảo toàn bộ các lô hàng được chứng nhận qua hệ thống này (ngoại trừ các lô hàng thủy sản xuất khẩu được chế biến từ cơ sở sản xuất ngoài phạm vi quản lý của Trung tâm vùng 4).

1.3. Thời hạn chuyển tiếp thực hiện theo Quy định số 2021/619

- Mẫu chứng thư cho sản phẩm thủy sản, nhuyễn thể, giáp xác sống, đùi ếch, ốc, gelatine, collagen, sản phẩm composite từ nước thứ 3 xuất khẩu vào EU hiện đang được áp dụng trên TRACESNT (ban hành tại các Phụ lục I và III của Quy định (EU) số 2019/628 ngày 08/4/2019) sẽ được chuyển đổi tham chiếu tương ứng tại các Chương của Phụ lục III Quy định (EU) số 2020/2235 điều chỉnh bởi Quy định 2021/619 có hiệu lực kể từ ngày 21/04/2021, thời gian chuyển tiếp đến hết ngày 21/8/2021 (ngày ký của cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu).

- Đối với các lô hàng có nguồn gốc động vật, sản phẩm phối chế (composite) dùng làm thực phẩm được ban hành theo các mẫu chứng thư theo các Quy định (EU) số 28/2012 và 2019/628 sẽ được chấp thuận nhập khẩu vào EU cho đến ngày 20/10/2021 với điều kiện chứng thư được ký bởi cán bộ có thẩm quyền và phù hợp với quy định của EU trước ngày 21/8/2021.



2. Đăng ký và khai báo thông tin lô hàng thủy sản xuất khẩu vào EU:

2.1. Hồ sơ đăng ký thẩm định, chứng nhận:

- Đăng ký đúng theo từng dạng sản phẩm tương ứng với mẫu chứng thư nêu tại Phụ lục 1 đính kèm.

- Đối với lô hàng các sản phẩm composite sản xuất từ nguyên liệu có nguồn gốc từ thịt, trứng, sữa: cung cấp đầy đủ thông tin, quy trình sản xuất (bao gồm các thông số về nhiệt độ, thời gian gia nhiệt) để có căn cứ chứng nhận (tương ứng mục II.3, Part II) mẫu chứng thư sản phẩm composite.

2.2. Khai báo thông tin:

a. Mô tả sản phẩm:

- Đối với sản phẩm chế biến tổng hợp: Doanh nghiệp chủ động xác định dạng sản phẩm theo đúng quy định của EU (xem Phụ lục 2 – Thuật ngữ và cách thức phân loại sản phẩm composite) và khai báo tại Mục 5 “Mô tả hàng hoá” trên Giấy đăng ký ban hành theo Phụ lục XII, XIII Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT hoặc trên Bảng kê chi tiết lô hàng xuất khẩu ban hành theo Phụ lục XIV Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT.

b. Xuất xứ nguyên liệu để sản xuất lô hàng:

- Đối với sản phẩm nhuyễn thể 2 mảnh vỏ: Khai báo chính xác vùng thu hoạch và phân loại vùng khai thác tại thời điểm thu hoạch (A, B, C) theo Giấy chứng nhận xuất xứ nhuyễn thể 2 mảnh vỏ do Chi cục địa phương cấp tại Mục 11 “Xuất xứ nguyên liệu để sản xuất lô hàng” trên Giấy đăng ký ban hành theo Phụ lục XII, XIII Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT.

c. Thành phần cấu thành sản phẩm: Mô tả chi tiết thông tin về các thành phần cấu thành sản phẩm trong Bảng kê chi tiết lô hàng xuất khẩu ban hành theo Phụ lục XIV Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT, bao gồm đầy đủ thành phần và tỷ lệ có nguồn gốc:

- + Từ động vật (thủy sản, thịt, trứng, sữa, ...) và
- + Từ thực vật (bột mì, bột gạo, rau củ quả, gia vị, ...)

3. Một số lưu ý đối với sản phẩm composite:

a. Yêu cầu về kiểm soát:

- Sản phẩm composite của lô hàng thủy sản xuất khẩu từ Việt Nam phải được sản xuất tại các cơ sở được EU công nhận.

- Nếu bất kỳ thành phần trong sản phẩm chứa thịt, trứng, sữa và sản phẩm của chúng: phải được sản xuất từ quốc gia, cơ sở được EU công nhận xuất khẩu (về chương trình dư lượng) được liệt kê trong Quyết định của Ủy ban EC 2011/163/ EU. Trường hợp chưa được EU công nhận thì quốc gia nơi sản xuất sản phẩm hỗn hợp **phải thông báo bằng văn bản** cho Ủy ban EC về việc này, để được liệt kê trong Quyết định EC 2011/163/EU có **kèm theo chú thích** cho biết rằng họ sử dụng nguồn

sản phẩm đã qua chế biến có nguồn gốc động vật được đề cập (Việt Nam mới chỉ được công nhận Chương trình dự lượng cho sản phẩm thủy sản).

- Đối với sản phẩm sản phẩm shelf-stable composite thành phần không chứa thịt chế biến và có chứa các sản phẩm chế biến có nguồn gốc động vật khác với thịt chế biến: được xử lý nhiệt theo chế độ tương ứng theo quy định EU 2020/692.

b. Yêu cầu về chứng nhận:

- Sản phẩm non-shelf-stable composite và sản phẩm shelf-stable composite thành phần chứa thịt chế biến phải kèm theo giấy chứng thư do cơ quan thẩm quyền của quốc gia sản xuất sản phẩm composite cấp (mẫu giấy chứng thư tại Chương 50 Phụ lục III quy định EU số 2020/2235).

- Các sản phẩm shelf-stable composite không chứa thịt và có chứa các sản phẩm chế biến có nguồn gốc động vật khác chế biến sẽ chỉ phải kèm theo một chứng thực riêng (private attestation) được cung cấp bởi nhà nhập khẩu, và cung cấp thông tin được yêu cầu tại Điều 14 (3) của Quy định (EU) 2019/625 và các tài liệu liên quan được quy định trong Quy định (EU) 2020/692 (mẫu giấy chứng thực theo Phụ lục V quy định EU số 2020/2235).

- Lô hàng các sản phẩm composite được dùng theo đầu mã HS: 1601, 1602, 1603, 1604, 1605, 1901, 1902, 1905, 2004, 2005, 2103, 2104, 2105, 2106. Từ đầu mã HS code cơ bản (4 số) nêu trên, chọn mã HS code (8 số) tương ứng với sản phẩm khi khai báo trên hệ thống TRACESNT.

4. Quy định về cấp đổi chứng thư:

- Chỉ cấp đổi chứng thư do lỗi quản lý hành chính hoặc chứng thư bị hư hỏng hoặc thất lạc. Trong trường hợp cấp đổi chứng thư, không thay đổi các thông tin: thông tin định danh lô hàng, thông tin truy xuất nguồn gốc lô hàng, các nội dung chứng nhận của lô hàng.

- Trong trường hợp các lô hàng thông quan EU, nếu thông tin về người nhận hàng, nhà nhập khẩu, trạm kiểm soát biên giới hay các thông tin về vận chuyển thay đổi sau khi chứng thư đã cấp thì người/đơn vị chịu trách nhiệm đối với lô hàng tại EU cần cung cấp các thông tin mới cho cơ quan thẩm quyền tại các điểm kiểm soát biên giới. Trong trường hợp này sẽ không là yêu cầu để cấp chứng thư thay thế.

5. Trách nhiệm của Doanh nghiệp khi triển khai áp dụng mẫu chứng thư mới:

- Chủ động cập nhật, nghiên cứu và tổ chức thực hiện đúng các công văn hướng dẫn của Cục, Trung tâm và quy định trong quá trình sản xuất, chế biến thủy sản và sản phẩm thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU.

- Khai báo các nội dung trong giấy đăng ký thẩm định, chứng thư phải đảm bảo đúng, chính xác khi đăng ký thẩm định, chứng nhận lô hàng thủy sản.

- Phối hợp chặt chẽ với nhà nhập khẩu để xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh (nếu có) trong quá trình sản xuất và xuất khẩu thủy sản vào thị trường EU, **đặt biệt với nội dung nêu tại mục 1.2 và 3.a (dòng thứ 2) của công văn này.**



- Thực hiện khai báo chứng thư qua hệ thống TRACESNT đối với toàn bộ các lô hàng xuất khẩu vào thị trường EU. Trường hợp bất khả kháng (có lý do cụ thể), nếu không khai TRACESNT, Trung tâm Chất lượng vùng 4 chỉ giải quyết cấp chứng thư truyền thống (ngôn ngữ tiếng Anh) và doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm nếu lô hàng không được thông quan.

- Căn cứ nhu cầu của doanh nghiệp và trong trường hợp thật sự cần thiết đồng thời đáp ứng các điều kiện về phòng chống dịch bệnh, Trung tâm Chất lượng vùng 4 sẽ tổ chức phổ biến, hướng dẫn trực tuyến về sử dụng mẫu chứng thư và khai báo theo quy định (EU) 2020/2235.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc Doanh nghiệp kịp thời báo cáo với Trung tâm vùng để được hỗ trợ giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục QLCL NLS&TS (để b/cáo);
- Các PGĐ (để biết);
- Phòng HC-TH (để phối hợp);
- Lưu: VT, CL.

GIÁM ĐỐC



Khúc Tuấn Anh

Phụ lục 1 - Các mẫu chứng thư theo Quy định (EU) số 2020/2235
(Ban hành kèm theo Công văn số 360 /TTCL4-CL ngày 30 tháng 6 năm 2021)

TT	Các loại mẫu chứng thư	Mã chứng thư theo Quy định (EU) 2020/2235	Lưu ý
1	Sản phẩm phối chế (bao gồm sản phẩm phối chế non-shelf-stable composite products và shelf-stable composite products, chứa bất kỳ khối lượng là sản phẩm từ thịt, gelatine, collagen, sản phẩm tinh luyện dùng làm thực.	COMP Chương 50 Phụ lục III	Sơ đồ cây quyết định áp dụng đối với sản phẩm composite (https://ec.europa.eu/food/system/files/2021-04/ia_ic_composite-prods_decision-tree.pdf)
2	Sản phẩm phối chế shelf-stable theo Điều 14 của Quy định (EU) số 2019/625	Phụ lục V	Mẫu này do nhà nhập khẩu tự chứng nhận nếu sản phẩm phối chế đáp ứng yêu cầu tại Điều 14 của Quy định (EU) số 2019/625
3	Thủy sản và sản phẩm thủy sản	FISH - CRUST - HC Chương 28 Phụ lục III	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng chung cho cá, giáp xác sống và sản phẩm của chúng dùng làm thực phẩm. - Bắt buộc chứng nhận và điền thông tin tại Mục II.1; Trừ trường hợp sản phẩm (cá, giáp xác sống; sản phẩm của chúng xuất khẩu mục đích chế biến tiếp tại EU (for further processing before human consumption), phần Chứng nhận an toàn sức khỏe động vật có nguồn gốc nuôi trồng tại Mục II.2 được xóa bỏ.
4	Nhuễn thể hai mảnh vỏ sống, động vật da gai, động vật chân bụng biển, hải tiêu (tunicates) và sản phẩm của chúng dùng làm thực phẩm	MOL - HC Chương 31, Phụ lục III	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng chung cho nhuyễn thể hai mảnh vỏ sống, động vật da gai, động vật chân bụng biển, hải tiêu (tunicates) và sản phẩm của chúng dùng làm thực phẩm - Mục II.1 (a): Khai báo "Vietnam" - Mục II.1(i): Khai báo phân loại vùng thu hoạch của NT2MV hiện thời là A, B hoặc C (lưu ý cập nhật kết quả do Cục, Chi cục Nam Bộ về phân loại theo báo cáo gửi EU hàng năm). - Nội dung chứng nhận tại Mục II.2 được xóa bỏ nếu không là sản phẩm không là sản phẩm sống
TT	Các loại mẫu chứng thư	Mã chứng thư theo Quy định	Lưu ý


 TIỀN
 M
 NG
 ỦY S
 4
 HỒNG L

		(EU) 2020/2235	
5	Đùi ếch	FRG Chương 39 Phụ lục III	
6	Nguyên liệu dùng để sản xuất Collagel và Gellatin dùng làm thực phẩm	RCG Chương 43 Phụ lục III	
7	Ốc sên	SNS Chương 40 Phụ lục III	
8	Gellatin	GEL Chương 41 Phụ lục III	
9	Collagel	COL Chương 42 Phụ lục III	
10	Nguyên liệu đã được xử lý dùng để sản xuất Collagel và Gellatin dùng làm thực phẩm	TCG Chương 44 Phụ lục III	

Ghi chú:

- Form Fishery (theo Quy định (EU) 2019/628): tách ra làm mẫu chứng thư cá - giáp xác (số thứ tự 3) và mẫu chứng thư nhuyễn thể (số thứ tự 4) theo bảng trên.
- Tham khảo các mẫu chứng thư theo số thứ tự 1, 3, 4, 5, 6 (bảng trên) thường áp dụng đối với các sản phẩm thủy sản xuất khẩu của Việt Nam.

Phụ lục 2 – Thuật ngữ và cách phân loại sản phẩm composite
(Ban hành kèm theo Công văn số /TTCL4-CL ngày tháng 6 năm 2021)

TT	Nội dung	Lưu ý
1	<p>Một số thuật ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Composite product (sản phẩm chế biến tổng hợp): Là sản phẩm thực phẩm thành phần chứa cả sản phẩm có nguồn gốc thực vật và sản phẩm có nguồn gốc động vật chế biến. - Shelf-stable composite: sản phẩm chế biến tổng hợp được bảo quản an toàn ở nhiệt độ phòng. Sản phẩm này không yêu cầu bảo quản/vận chuyển dưới điều kiện phải kiểm soát nhiệt độ, hoặc - Non-shelf-stable composite: sản phẩm chế biến tổng hợp không được bảo quản an toàn ở nhiệt độ phòng. Sản phẩm này cần được bảo quản/vận chuyển dưới điều kiện phải kiểm soát nhiệt độ. 	<p>- “Nguyên liệu thực vật tham gia cấu thành sản phẩm có <u>làm thay đổi tính chất cơ bản của sản phẩm cuối hay không</u>” (yếu tố quan trọng để xác định sản phẩm có là sản phẩm composite). Tham khảo Phụ lục 3 - Sơ đồ cây quyết định áp dụng đối với sản phẩm composite.</p>
2	<p>Cách thức phân loại sản phẩm composite:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách thức phân loại sản phẩm composite: dựa trên rủi ro – Public Health và Animal Health theo Điều 162, 163 Quy định 2020/692 (không dựa trên tỷ lệ phần trăm các thành phần có nguồn gốc động vật như trước đây), sản phẩm composite bao gồm 03 loại: (1) sản phẩm non-shelf-stable composite. (2) sản phẩm shelf-stable composite thành phần chứa thịt. (3) sản phẩm shelf-stable composite thành phần không chứa thịt và có chứa các sản phẩm chế biến có nguồn gốc động vật khác. 	



Phụ lục 3 - Sơ đồ cây quyết định áp dụng đối với sản phẩm composite

(phiên bản gốc tiếng Anh - https://ec.europa.eu/food/system/files/2021-06/ia_ic_composite-prods_gandas.pdf)

